

CẤU TRÚC DIỄN NGÔN BÌNH LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI QUAN YẾU (RELEVANCE)

Nguyễn Hoà^(*)

1. Trong bài báo này, chúng tôi đề cập đến hai khía cạnh đáng quan tâm của việc phân tích diễn ngôn (discourse analysis) - đó là cấu trúc và tính quan yếu. Bài viết đề cập đến là cách thức tổ chức phát triển nội dung của một diễn ngôn (discourse) trong mối quan hệ với quan yếu trên tư liệu diễn ngôn bình luận. Để làm rõ nội dung này, chúng tôi tiến hành các phân tích trên một số dữ liệu của ngôn ngữ báo chí trong tiếng Anh và tiếng Việt theo các kiểu quan hệ mà Mann và Thompson nêu ở dưới đây (mục 4.). Trên cơ sở các kết quả phân tích, chúng tôi sẽ cố gắng rút ra một mô hình tổ chức thường xuyên của diễn ngôn bình luận.

2. Phân tích diễn ngôn vốn là một địa hạt mới của nghiên cứu văn bản thuộc về ngôn ngữ học ứng dụng. Trong các nghiên cứu về phân tích diễn ngôn kể từ Z. Harris [12,1952] cho đến nay, người ta đều muốn làm rõ bản chất của diễn ngôn và cấu trúc diễn ngôn. Chúng tôi quan tâm đến diễn ngôn từ khía cạnh văn bản (text). Nói đến diễn ngôn văn bản, thì phải nói đến hai mặt: tổ chức và ngữ nghĩa. Tiêu điểm của những mặt này, xưa nay và đặc biệt ở những năm gần đây thường được hiểu như là liên kết (cohesion), mạch lạc (coherence) và mối quan hệ giữa hai phương diện ấy.

3. Tuy nhiên, trong sự phát triển của lý luận phân tích diễn ngôn, càng về sau, người ta càng quan tâm nhiều hơn đến các liên kết ngữ nghĩa và sự tham gia của dụng học (pragmatics) vào các mối liên kết này. Vì vậy, mạch lạc dành được sự quan tâm nhiều hơn. Ở đây, có thể chia sẻ với Diệp Quang Ban [8, tr.47-55, 1998a] trong một bài viết mới đây. Trong mối quan hệ giữa liên kết và mạch lạc của diễn ngôn, có một khía cạnh rất đáng quan tâm là vai trò, vị trí của quan yếu (relevance) trong mối quan hệ này. Tính chất quan yếu có thể hiểu như là sự phù hợp về nội dung của các đóng góp (contributions) trong quá trình giao tiếp. Các đóng góp này chính là các yếu tố quan yếu phát triển nội dung của chủ đề. Brown và Yule [3, 1983] đã giải thích tính chất quan yếu thông qua khái niệm chủ đề và khung chủ đề. Các tác giả này đã giải thích khái niệm khung chủ đề như sau (Brown và Yule [3, tr.75, 1983].)

Các khía cạnh của ngữ cảnh tình huống được phản ánh trực tiếp trong văn bản, và cần sử dụng để hiểu văn bản được gọi là “*các nét được kích hoạt của ngữ cảnh*” và chúng tôi cho rằng chúng tạo nên khung ngữ cảnh trong đó chủ đề được tạo ra, tức là, *khung chủ đề*.

Trên cơ sở các lập luận trên, tính quan yếu sẽ được xác định lại là: *hãy*

^(*) PGS.TS., Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

làm cho phần đóng góp của anh vào văn bản sao cho có quan hệ với khung chủ đề đang có, (Brown và Yule, đã dẫn: 84). Suy rộng ra, chúng ta có thể hiểu là một ai đó sẽ được coi là nói vào chủ đề khi sự tham gia đóng góp của anh ta phù hợp chặt chẽ với các yếu tố mới được đưa vào trong khung chủ đề.

Tuy vậy, cần phải nói thêm rằng, tính chất quan yếu còn bị quy định bởi yếu tố văn hoá nữa. Dựa trên kết quả nghiên cứu so sánh các bài tiểu luận viết bằng tiếng Anh của học sinh người Đức và học sinh người Anh, Clyne (1994) cho thấy đối với người Anh, tính chất quan yếu là một đòi hỏi bắt buộc trong khi đó với người Đức thì tính chính xác, và phạm vi bao quát là trở nên quan trọng nhất. Người Anh cũng không thích nhắc lại một vấn đề gì đã được trình bày trước, trong khi đó với người Đức, việc tóm tắt cũng cần thiết để bảo đảm sự phát triển một cách lôgic. Như vậy rõ ràng là nội dung của phần phát triển cũng sẽ khác nhau.

4. Các nhà phân tích diễn ngôn đều thừa nhận rằng cấu trúc hay còn gọi là cách thức tổ chức các yếu tố quan yếu có một vai trò quan trọng trong việc tạo nên mạch lạc (coherence). Như đã biết, khái niệm cấu trúc này không phải là một cái gì mới. Cấu trúc diễn ngôn bao hàm sự hiện diện của các yếu tố phát triển nội dung. Ngày nay, khái niệm cấu trúc ngày càng được quan tâm trong lý thuyết phân tích diễn ngôn. Chẳng hạn như O. I. Moskaskja [18, tr.113, 1981] đã nhận xét rằng:

Thật vậy, trước hết nó (cấu trúc) được sử dụng trong lý thuyết chung về văn bản, lý thuyết này đã đưa ra dấu hiệu

tính định hình kết cấu như là một trong những tiêu chí khu biệt văn bản với những chuỗi câu ngẫu nhiên không tạo thành văn bản: trong khi văn bản có một kết cấu nhất định thì chuỗi câu ngẫu nhiên không được định hình về mặt kết cấu.

Cấu trúc diễn ngôn có thể được nhìn nhận bao gồm 2 khía cạnh có liên quan chặt chẽ với nhau và bổ sung cho nhau là cách thức tổ chức và liên kết và mạch lạc. Rất khó có thể tách chúng riêng ra. Đỗ Hữu Châu [1, 1996] đã nhận xét rằng sự sắp xếp ý trong văn bản còn được gọi là bố cục hay kết cấu theo một trình tự nhất định. Cần hiểu trình tự kết cấu trước hết như là sự thể hiện các quan hệ nội dung trong văn bản. Tác giả cũng thừa nhận rằng: *"Nhưng kết cấu còn là một nghệ thuật trình bày các yếu tố nội dung mang tính chủ quan của người viết. Trong kết cấu người viết có thể thay đổi trật tự..."* (Đỗ Hữu Châu [1, tr.26, 1996].)

Halliday và Hasan [10, tr.324, 1976] đã sử dụng thuật ngữ "cấu trúc vĩ mô" (macro - structure) và các tác giả này cho rằng nhờ các cấu trúc vĩ mô này mà các văn bản mới là văn bản. Ngoài ra, họ còn cho rằng trong văn bản tồn tại các *quan hệ tạo văn bản* (text-forming relations), và các quan hệ này có vai trò định hình văn bản (shaping a discourse), và thiết lập mối "*liên kết văn bản*" (textual cohesion).

Một số tác giả khác như Mann và Thompson (1987), đã xem xét cấu trúc theo một hướng khác song cũng rất thú vị. Họ tìm cách xác lập mối quan hệ giữa cấu trúc của văn bản và các mục đích hay ý định của người nói trong quá trình giao tiếp, và đã đưa ra các cách thức phân tích cấu trúc trên cơ sở các mối

quan hệ giữa các bộ phận của văn bản. Mô hình phân tích cấu trúc của Mann và Thompson (1987) đã đề cao quan hệ. Theo các tác giả này, tồn tại một mối quan hệ giữa hai yếu tố trong văn bản. Một yếu tố được gọi là “hạt nhân” (nucleus) và yếu tố kia gọi là “vệ tinh” (satellite). Còn hàm số-lý do tại sao người nói hay người viết lại chọn hai yếu tố nào đó với nhau - gọi là hiệu ứng. Các tác giả này cũng đã xác định một loạt các kiểu quan hệ như sau: hoàn cảnh (circumstance), giải pháp (solutionhood), chi tiết làm rõ (elaboration), đối và nhân nhượng (antithesis and concession), nền hay bối cảnh (background), bằng chứng và/hoặc minh chứng (evidence and justify), quan hệ nguyên nhân (relations of cause), mục đích (purpose)...

Các kiểu quan hệ trên giữa phần hạt nhân và phần vệ tinh không hoàn toàn tuân theo một trật tự cố định. Mann và Thompson, (trích theo Hatch [13,1992]) cho rằng có thể xác định được một số mô hình như sau: khi phần vệ tinh đặt trước hạt nhân thì quan hệ thường là: *đối, nền/bối cảnh, nhân nhượng, điều kiện, minh chứng và giải pháp*; còn khi hạt nhân đặt trước, thì quan hệ là: *làm rõ, bắt đầu, bằng chứng, mục đích, và diễn đặt lại*, do thông tin mới thường ở vị trí cuối cùng. Sự phân chia này có thể được nhìn nhận như là một mô hình mang tính khả thi về mặt thực hành nhiều hơn là một mô hình có tính nghiêm ngặt về lý thuyết.

5. Như đã biết, tiêu biểu của ngôn ngữ báo chí là các bản tin thông tấn và bài bình luận chính trị. Trong tiếng Anh, ngôn ngữ báo chí đã trở thành một truyền thống và hình thành các quy tắc khá ổn định và có thể tiêu biểu cho một

thể loại diễn ngôn có tính quy phạm. Báo chí tiếng Việt có những điều kiện phát triển đặc biệt, và đang trong giai đoạn phát triển. Do vậy, việc ứng dụng các thủ pháp phân tích diễn ngôn rất đáng được quan tâm và sẽ tìm ra các đặc điểm mới cho phép nâng cao chất lượng ngôn ngữ báo chí. Bài bình luận chính trị là một thể loại diễn ngôn, được quy định bởi một chức năng đặc thù: là một thể loại diễn ngôn có “*Nhiệm vụ chính là giải thích, cắt nghĩa một sự kiện, một quá trình hoặc một vấn đề trong đời sống kinh tế, chính trị và đời sống văn hoá*”, (Nguyễn Uyển và các cộng sự khác, [16,1992]; hay “... có tính chất hướng dẫn công luận...”

Về nội dung, không có sự khác biệt giữa bài bình luận (commentary) và bài xã luận trong báo tiếng Anh, do đều thể hiện ý kiến (Opinion) giải thích hay phê phán một hiện tượng, một sự kiện hay một cá nhân nào đó. Sự khác biệt lại nằm trên một phương diện tương đối hình thức: cụ thể là, bài bình luận chính trị do một cá nhân viết thể hiện quan điểm riêng của mình, còn bài xã luận (cũng vẫn do cá nhân viết) lại thể hiện quan điểm, hay ý kiến của ban biên tập tờ báo (Editors) hay người xuất bản (Publishers). Do vậy, xét trên phương diện thuần túy ngôn ngữ, thì các bài bình luận chính trị và xã luận không khác nhau. Chính vì những lý do trên, chúng tôi đã gộp hai loại vào thể loại bình luận chính trị.

6. Các quan sát trên tư liệu cho thấy rằng, trong các diễn ngôn của ngôn ngữ báo chí tiếng Anh và tiếng Việt, thường

xuyên ta bắt gặp các yếu tố quan yếu. Trên đại thể, có thể ghi nhận những hiện tượng sau đây:

6.1. Phần mở đầu

Phần mở đầu có thể có hai chức năng cơ bản là đặt vấn đề và phải mang tải thông tin gây hấp dẫn đối với độc giả. Kết quả phân tích số liệu thu thập trong tiếng Anh cho thấy có thể có 5 kiểu mở đầu là: thông tin nền, mở đầu với một câu chuyện, mở đầu thẳng, mở đầu triết lý; và mở đầu bằng một nhận xét. Tuy nhiên, kết quả phân tích cũng cho thấy kiểu mở đầu thông tin nền có tần số xuất hiện cao nhất (79,6%), tiếp theo là kiểu có nội dung nhận xét (7,8%). Kiểu ít xuất hiện nhất là kiểu triết lý (1,5%). Sau đây là một ví dụ về kiểu mở đầu thông tin nền:

Đầu đề: *Hidden Epidemic*

Phần mở đầu: *Even without counting AIDS or HIV infections, the United States has a higher rate of sexually transmitted diseases than any other developed country. That is the finding of a distinguished panel of healthcare experts assembled by the Institute of Medicine, a branch of the National Academy of Sciences. In a recent report, the panel recommends a national public education and awareness campaign to combat what it calls a "hidden epidemic." (IHT 1/1/97).*

Kết quả phân tích các bài bình luận trong tiếng Việt mang lại một tình hình tương đối khác: Tuyệt đại đa số các mở đầu đều là kiểu thông tin nền, chiếm tỷ lệ 96,9% trong các bài bình luận mà chúng tôi đã thu thập phân tích. Tuy vậy cũng còn có một số kiểu mở đầu khác như: mở đầu với nhận xét và mở đầu thẳng (trực tiếp). Sau đây là một ví dụ về kiểu mở đầu thông tin nền trong tiếng Việt.

Đầu đề: *LBN: Cuộc Khủng Hoảng Đã Có Lối Thoát*

Phần mở đầu: *Hôm qua 24-4, Đu-Ma quốc gia LB Nga (Hà Nghị Viện) đã tiến hành bỏ phiếu lần thứ ba về việc phê chuẩn quyền Thủ tướng X.Ki-ri-en-cô vào chức vụ Thủ tướng theo đề nghị kiên quyết của Tổng thống B.En-xin. Kết quả cho thấy sau lần thứ ba này, trong cuộc bỏ phiếu kín, ông X.Ki-ri-en-cô đã thu được 251 phiếu so với 226 phiếu cần thiết để trở thành Thủ tướng mới của LB Nga. Phía các nghị sĩ cộng sản thuộc KPRF và phía Ia-blô-cô (trừ một số thành viên tham gia bỏ phiếu) đã giữ lập trường không tham gia nếu việc bỏ phiếu tiến hành theo hình thức bỏ phiếu kín. Sau khi có kết quả bỏ phiếu Tổng thống B.En-xin đã ký ngay sắc lệnh bổ nhiệm ông X.Ki-ri-en-cô làm thủ tướng. (ND 25/4/98)*

6.2. Phần phát triển bao gồm các yếu tố quan yếu như sau

a) Thông tin nền của sự kiện bao gồm nhiều kiểu yếu tố nhỏ. Ví dụ:

Đầu đề: *Korean Progress*

Thông tin nền: *Ever since the Bush administration, American policy has been based on the assumption that North Korea fears deeply for its future in a world where it can no longer count on the support of its two giant neighbours, Russia and China. Both of these countries have strengthened their ties with the more prosperous South Korean regime at Pyongyang's expense. North Korea has also been suffering from severe food shortages after two years of disastrous floods. (IHT 2/1/97).*

Trong các bài bình luận chính trị tiếng Việt, cũng có thể bắt gặp một lối diễn đạt tương tự. Ví dụ:

Di nhiên, chính quyền của ông (Clinton) cũng đã làm được một số việc để duy trì và thúc đẩy đà phục hồi kinh tế đó, chẳng hạn như giảm thâm hụt ngân sách từ 290 tỷ USD một năm, xuống còn 121 tỷ USD một năm. Trong bốn năm, nền kinh tế tạo được 8,6 triệu việc làm; đưa tỷ lệ thất nghiệp từ 7,4% xuống 5,4%; tăng trưởng đạt mức trung bình 2,5%; lạm phát ở mức ổn định dưới 3%. (ND 7/11/96)

b) Yếu tố “bình”, hay còn gọi là nhận xét đánh giá. Yếu tố quan yếu này có thể được coi là một trong những đặc trưng điển hình của bài bình luận chính trị trong ngôn ngữ báo chí hai thứ tiếng. Có thể nhận diện yếu tố này qua các từ ngữ mang ý nghĩa tình thái khá rõ rệt. Hãy xem xét ví dụ tiếng Anh sau:

North Korea did not apologise directly, as it should have, to South Korea, which Pyongyang ritually denounced on Monday. (IHT 2/1/97).

Chuyển sang tiếng Việt, cũng có thể quan sát thấy một tình hình tương tự. Xem xét ví dụ:

Thử hỏi, nếu hoạt động của đài này nhằm thông tin “khách quan” như nó tuyên bố thì việc gì phải lén lút, giấu địa điểm phát sóng như một bí mật quốc gia? (ND22/2/97)

c) Yếu tố bằng chứng, minh họa. Có thể thấy sự hiện diện của yếu tố này qua ví dụ sau:

Đầu đề: Women turned our for Clinton because Power is a turn-on.

Phát triển: In what is being billed as the widest gender gap in US. presidential history, 54 percent of women favoured Bill Clinton over Bob Dole. Working women gave Mr. Clinton an ever wider margin: 56 percent, to 35 percent for Mr. Dole. (IHT 21/11/96)

Với nội dung chính là đa số phụ nữ đã bỏ phiếu cho Bill Clinton, phần phát triển tiếp theo (câu gạch chân) đã minh họa thêm bằng cách dẫn ra các số liệu thống kê làm tăng tính thuyết phục của nhận định đưa ra. Ở các bài bình luận trong tiếng Việt, ngoài các dị biệt về phong cách ra, cũng gặp tình hình tương tự. Ví dụ:

Tuy vậy, cả hai bên đều tuyên bố mình là người thắng cuộc. Đại diện phía Nhà trắng tuyên bố “rất hài lòng” với kết quả đạt được vì đã chấm dứt được một hiệp đấu gay go mà không phải đóng cửa các cơ quan chính phủ một lần nữa. Thực tế trong tháng qua, có tới chín bộ và hàng chục cơ quan trực thuộc chính phủ phải hoạt động cầm chừng kiểu “ăn đong”. Hơn nữa, bằng thoả thuận mới, ông Clinton đã bảo vệ được các chương trình của mình về giáo dục. Các dự án này chỉ cần 5 tỷ USD nhưng rất quan trọng đối với đương kim tổng thống trong giai đoạn nước rút bầu cử. Trong khi đó, phe cộng hoà lại tuyên bố họ đạt được mục tiêu là tạo ra được “một sự thay đổi có ý nghĩa” là giảm được chi tiêu ngân sách 23 tỷ USD. (ND 5/5/96).

Ví dụ trên cho thấy nội dung hạt nhân là: Cả hai bên đều tuyên bố mình là người thắng cuộc, và tiếp theo là thông tin vệ tinh làm bằng chứng cho điều đó là tuyên bố của Nhà trắng và phe đảng Cộng hoà. Sự kiện các cơ quan

của chính phủ phải đóng cửa và Clinton bảo vệ được các chương trình của mình, chỉ là sự phát triển tiếp theo và mang tính chất thông tin nền.

d) Hậu quả kéo theo từ sự kiện chính được bình luận. Hãy xem xét ví dụ sau trong tiếng Anh:

That co-operation will now occur on several levels. There will be the proposed peace talks, which are meant to include the United States and China as well as the two Koreas. South Korea will help replace North Korea's nuclear power reactors with models less likely to produce potential bomb fuel. Finally, Seoul should now feel sufficiently mollified to resume humanitarian food assistance to alleviate a flood-produced famine in the North. (IHT 2/1/97).

Bài bình luận trong báo chí tiếng Việt cũng chứa đựng yếu tố này. Ví dụ:

Cuộc xung đột nói trên làm cho nhiều nước A-rập và dư luận thế giới hết sức lo ngại. Oa-shing-ton đã kêu gọi hai bên giảm bớt sự căng thẳng "càng sớm càng tốt". Nhiều nước A-Rập cho rằng nếu tiếp tục các cuộc xung đột sẽ dẫn đến "một cuộc chiến tranh mới". Hội đồng Bảo an LHQ đã họp phiên khẩn cấp bàn về vấn đề Trung đông. (ND 29/9/96).

6.3. Phần kết luận

Ngoài các yếu tố quan yếu phát triển trên ra, bài bình luận chính trị trong báo chí tiếng Anh và tiếng Việt còn bao có phần kết luận với chức năng chủ yếu là tóm tắt. Ngoài kiểu kết thúc tóm tắt ra, kết quả phân tích số liệu thu thập cho thấy còn có các kiểu kết thúc khác như: lặp chủ đề, hùng biện hay trích. Phần

kết luận luôn có câu kết (concluding sentence). Về mặt nội dung, câu kết có một vai trò quan trọng: nó thể hiện nội dung thông điệp mà người viết muốn người đọc có được trong đầu sau khi đọc bài bình luận. Kết quả phân tích tư liệu thu thập của chúng tôi cho thấy cấu trúc nội dung của câu kết chủ yếu bao gồm các yếu tố như: **Ai (cái gì), Cần (phải, sẽ, nên, có thể...), làm gì (xảy ra)**. Các yếu tố khác như: **khi nào, bởi lẽ gì** rất hiếm khi xuất hiện. Ví dụ:

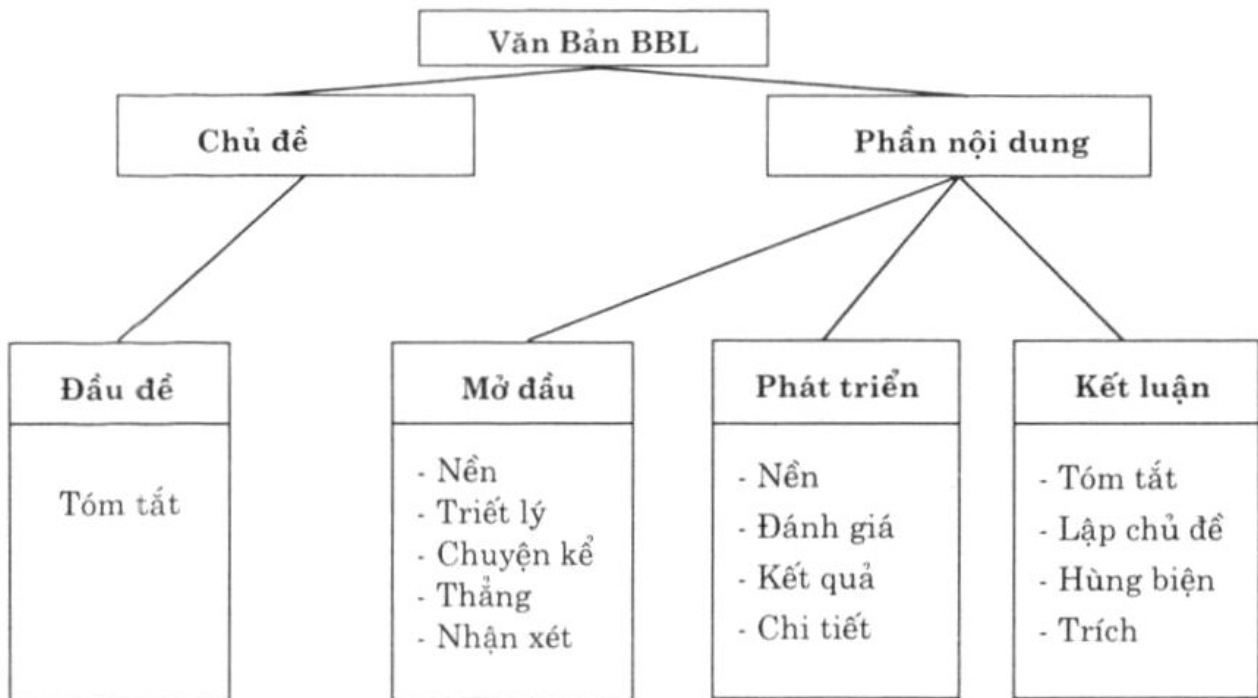
In these circumstances it is not enough for President Clinton to send his negotiators back for one after another session of Hebron. His administration must accept the large new post-Oslo dimension of the problem and engage Israeli and Palestinian leaders directly on it. (IHT 1/1/97).

Sau đây là một ví dụ tương tự trong tiếng Việt:

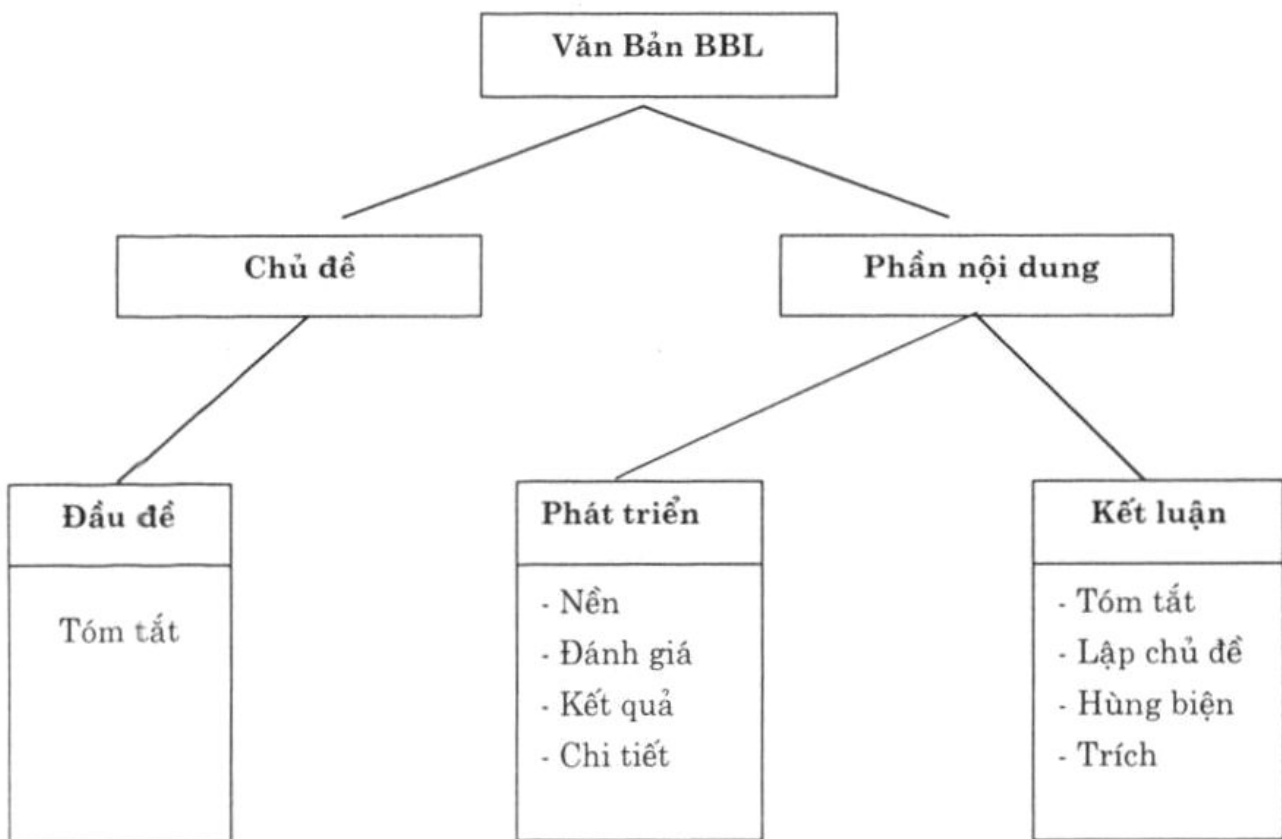
Nếu đảng CH không tung ra được những đòn "độc" chiêu thì có thể nói họ khó giữ được quyền kiểm soát QH chứ chưa nói đến tham vọng nắm chức tổng thống. (ND 17/8/96)

6.4. Tóm tắt

Trên cơ sở phân tích trên, chúng ta có thể thấy cấu trúc bài bình luận (BBL) chính trị trong báo chí tiếng Anh và tiếng Việt thể hiện sự giống nhau nhiều hơn là khác biệt: Chúng có cùng các loại yếu tố quan yếu; đều có ba bộ phận cấu thành là phần mở đầu, phần phát triển và phần kết. Xét theo sự hiện diện của các yếu tố phát triển nội dung đã trình bày ở trên, cấu trúc nội dung của loại văn bản này có thể được chi tiết hoá như sau:



Khi phần mở đầu là “thẳng”, tức là nó chính là sự lặp lại nội dung của phần đầu đề, thì cấu trúc có phần khác đi. Hai cột đầu tiên nhập lại làm một như sau:



6.5. Trật tự cấu trúc các yếu tố phát triển nội dung

Cũng giống như khi miêu tả diễn ngôn tin, chúng tôi không có tham vọng là miêu tả được một cấu trúc cố định các yếu tố phát triển ngay sau khi phân mở đầu, mà chỉ miêu tả “xu hướng” xuất hiện ngay sau đó của một yếu tố nào đó mà thôi. Xem kết quả sau đây:

Yếu tố/Tỷ lệ %	Tiếng Anh	Tiếng Việt
Thông tin nền	33,9	43,3
Yếu tố bình	60,7	40,0
Bằng chứng/chi tiết	3,5	1,0
Kết quả kéo theo	1,7	1,6

Sau đây là tóm tắt các đặc điểm của bài bình luận trong tiếng Anh và tiếng Việt đã được trình bày tại mục này:

	BBL tiếng Việt	BBL tiếng Anh
Kiểu cấu trúc phổ biến	- Mở đầu với yếu tố thông tin nền (96,9% trong số liệu thu thập) Cấu trúc ba phần	- Mở đầu với yếu tố thông tin nền (79,6% trong số liệu thu thập) Cấu trúc ba phần
Các yếu tố quan yếu	- Thông tin nền - Yếu tố “bình” - Thông tin bằng chứng - Kết quả kéo theo	- Thông tin nền - Yếu tố “bình” - Thông tin bằng chứng - Kết quả kéo theo
Phần kết	- Có câu kết (concluding sentence) với nội dung bao gồm: <i>Ai/cái gì, Cần (phải, sẽ, nên, có thể ...), và Làm gì/xảy ra</i>	- Có câu kết (concluding sentence) với nội dung bao gồm: <i>Ai/cái gì, Cần (phải, sẽ, nên, có thể ...), và Làm gì/xảy ra</i>
Trật tự yếu tố quan yếu xuất hiện sau phần mở đầu	- Chủ yếu là yếu tố thông tin nền (43,3% trong tư liệu thu thập.)	- Chủ yếu là yếu tố bình (60,7% trong tư liệu thu thập.)
Cách thức phát triển	- Có thiên hướng theo trình tự nêu sự kiện rồi mới nhận xét	- Có thiên hướng xen lồng các yếu tố nhất là yếu tố bình.

7. Về trật tự cấu trúc các yếu tố quan yếu thì rất khó có thể nói rằng sẽ có một trật tự cố định, bởi lẽ bất kỳ một cái gì quá cố định sẽ làm cho sự hoạt động của ngôn ngữ trở nên cứng nhắc không sáng tạo. Tuy vậy, hoàn toàn có thể nói về một cái gọi là “xu hướng”, hay thiên hướng

của người nói/viết thuộc về một nền văn hoá nhất định. Như vậy, dù muốn hay không vẫn tồn tại một kiểu cấu trúc nào đó. Chúng tôi đã khảo sát các dữ liệu theo những khía cạnh của Hatch (1978) với mục đích tìm hiểu xem sau phần mở đầu, thì nội dung tiếp theo sẽ là gì. Kết

quả cho thấy, trong tiếng Việt, 43% là thông tin nền, trong khi tình hình là 60,7% trong tiếng Anh. Hơn nữa, bảng trên cho thấy người Việt vẫn có thiên hướng mạnh mẽ trong việc cung cấp thông tin nền ở phần mở đầu - là bằng chứng cho đặc điểm phi gián tiếp trong cách tiếp cận vấn đề.

Nhìn chung, trong các chất liệu ngôn ngữ khác nhau, có thể thấy những nét chung của mô hình tổng thể, đồng thời những nét đặc thù phản ánh những lối tư duy văn hoá của từng dân tộc cũng như trong các thuộc tính loại hình của từng ngôn ngữ ở mỗi đồng đại cụ thể của ngôn ngữ ấy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thị Ngọc Diệu, *Giản yếu về Ngữ Pháp Văn Bản*, Hà Nội, NXB Giáo dục, 1996.
2. Bander, R., *American Rhetoric*, Holt, Rinehart and Winston, 1983.
3. Brown, G. and Yule, G., *Discourse Analysis*, Cambridge: CUP, 1983.
4. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt: Sơ thảo cấu trúc chức năng*, Quyển 1, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 1991.
5. Clyne, M., *Cultural Differences in the Organization of Academic Texts: English and German*, *Journal of Pragmatics* 11, 211-47, 1987.
6. Connor, U and Kaplan, R. (ed.), *Writing Across Cultures. Readings*, Mass: Addison-Wesley, 1987.
7. Diệp Quang Ban, *Văn Bản và Liên Kết trong Tiếng Việt*, Hà Nội, NXB Giáo dục, 1998b.
8. Diệp Quang Ban, Về Mạch Lạc trong Văn Bản, *Tạp chí Ngôn Ngữ*, số 1/98, tr. 47-55, 1998a.
9. Gumperz, J. J., *Discourse Strategies* Cambridge: CUP, 1982.
10. Halliday. M. A. K.; Hasan R., *Cohesion in English* London: Longman, 1976.
11. Harit, Z. S., *Các Phương pháp của Ngôn ngữ học Kết cấu*, Hà Nội, Đại học Tổng hợp, 1951.
12. Harris, Z., *Discourse Analysis*, In *Language*, Vol 28. No 1, 1952.
13. Hatch, E. M., *Discourse Analysis and Second Language Acquisition* in E. M. Hatch, 1992 *Discourse and Language Education*, CUP, 1978.
14. Kaplan R. B., *Cultural Thought in Inter-Cultural Education in Language Learning*, Vol. XVI, No 1,2, 1972.
15. Karchu, Y., *Writers in Hindi and English*, In Purves, 109-37, 1988.
16. Nguyễn Uyển, Phạm Tài Nguyên, Hồ Phi Chi, Hoà Thăng., *Nghề Nghiệp và Công Việc của Nhà Báo*, Hà Nội, Nhà in Bộ Tài chính, 1992.
17. Nunan. D., *Introducing Discourse Analysis*, Penguin Group, 1993.
18. O.J Moskalskaja., *Bản dịch tiếng Việt*, 1996. *Ngữ pháp Văn bản*, Hà Nội, NXB Giáo dục, 1981.
19. Palmer. J. A., *Getting into Text: Coherence in Cross Currents X 2*, 1983b.
20. Palmer. J. A., *Getting into Text: Cohesion in Cross Currents X 1*, 1983a.
21. Purves, A. C. (ed.), *Writing across Languages and Cultures*, Newbury Park: Sage, 1988.
22. Trần Ngọc Thêm., *Hệ thống Liên kết Văn bản tiếng Việt*, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 1985.

THE MACROSTRUCTURE OF POLITICAL COMMENTARIES IN RELATION TO RELEVANCE

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Hoa

College of Foreign Languages - VNU

This paper deals with the macrostructure of commentaries in English and Vietnamese newspapers from the perspective of relevance. Our view in this connection is the principle of relevance is the one which governs the occurrence of relevant contributions made to the overall structure of discourse. Commentaries are viewed as a type of discourse. The paper presents a typical organization of commentaries based on relevant contributions as elements of the structure. Thus, a structure here is seen as a network of relations (contributions).